

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON XÃ PHU LƯƠNG

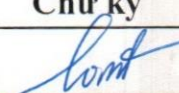
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐIỆN BIÊN – NĂM 2023

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON XÃ PHU LƯƠNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Lò Thị Nút	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Quàng Thị Khuyên	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
3	Lò Thị Chuyên	Phó hiệu trưởng	Thư ký hội đồng	
4	Nguyễn Thị Kiều	Tổ trưởng tổ MGD-NT	Thư ký nhóm 1	
5	Lò Thị Hà	Tổ phó tổ MGD-NT	Thư ký nhóm 2	
6	Phạm Thị Hồng Phương	Tổ trưởng tổ MGG	Thư ký nhóm 3	
7	Lò Thị Hợi	Tổ phó MGD-NT	Ủy viên HĐ	
8	Lường Thị Ngân	Y sĩ kiêm nghiệm	Ủy viên HĐ	Ngân
9	Tòng Thị Tân	Giáo viên	Ủy viên HĐ	

Phu Lương, năm 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	3
Danh mục các chữ viết tắt	5
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	6
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	11
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 và 3	13
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	13
Mở đầu	13
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	13
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	15
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	16
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	18
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	19
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	21
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	22
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	23
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	24
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	26
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	27
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	28
Mở đầu	28
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	28
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	30
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	31
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	33

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	33
Mở đầu	33
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn	34
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập	35
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị	37
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn	38
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	40
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	41
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	43
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	43
Mở đầu	43
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	43
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	45
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	47
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	47
Mở đầu	47
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	47
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	49
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	51
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	52
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	54
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	54
Phần IV. PHỤ LỤC	55

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Chú thích
1	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
2	CSGD	Chăm sóc giáo dục
3	CBQL-GV-NV	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên
4	GDMN	Giáo dục mầm non
5	TCVN	Tiêu chuẩn Việt nam

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1,2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1		X	X	
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2		X	X	
Tiêu chí 2.1		X	X	
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chuẩn 3		X	X	
Tiêu chí 3.1		X	X	
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4		X	X	
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5		X	X	
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	X

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường mầm non xã Phú Luông

Tên trước đây (nếu có): Trường Mầm non Phú Luông xã Mường Lói

Cơ quan chủ quản: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên.

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Điện Biên	Họ và tên hiệu trưởng	Lò Thị Nút
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Huyện Điện Biên	Điện thoại	0888.655.086
Xã / phường/thị trấn	Xã Phú Luông	Fax	
Đạt CQG	05/QĐ-UBND ngày 07/01/2015	Website	https://mnpfuluong.huyen.dienbien.edu
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2012	Số điểm trường	7
Công lập	x	Loại hình khác	Xã biên giới
Tư thục		Thuộc vùng khó khăn	
Dân lập		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	x
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi					
Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi				1	
Nhóm trẻ từ 24 đến 36 tháng tuổi	1	1	1	1	3

T	T	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
I	1	Khởi phòng nhóm tç, lớp mẫu giáo	10	10	10	10	11	
	1	Phòng kiến cô	10	10	10	10	11	
	2	Phòng ban kiến cô	0	0	0	0	0	
	3	Phòng tâm	0	0	0	0	0	
II	1	Khởi phòng phục vụ học tập	1	1	1	1	1	
	1	Phòng kiến cô	1	1	1	1	1	
	2	Phòng ban kiến cô	0	0	0	0	0	
	3	Phòng tâm	0	0	0	0	0	
III	1	Khởi phòng hành chính quản trị	6	6	6	6	6	
	1	Phòng kiến cô	6	6	6	6	6	
	2	Phòng ban kiến cô	0	0	0	0	0	
	3	Phòng tâm	0	0	0	0	0	
IV	1	Khởi phòng tổ chức ăn	5	5	5	5	5	
	1	Các công trình, khởi phòng chức năng khác (nếu có)	0	0	0	0	0	
Cộng			22	22	22	22	23	

2. Cơ cấu khởi công trình của nhà trường

Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	Số lớp ghép 3-4-5 tuổi	Cộng
1	1	1	6	10
		1	6	10
		1	7	10
				11

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	1			1	
Phó hiệu trưởng	2	2	2			2	
Giáo viên	16	16	13			16	2 GV HĐ
Nhân viên	4	2	4	1	3		1 y tế kiêm nhiệm
Cộng	23	21	20	1	3	19	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tổng số giáo viên	16	13	13	12	16
2	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với nhóm trẻ)	24	25	32,5	37,5	14,5
3	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)					
4	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	10,8	12,8	11,2	11	9,3
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	3	4	4	3	3
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0

4. Trẻ em

T	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	199	191	188	185	170	
	- Nữ	94	104	95	91	80	
	-Dân tộc thiểu số	192	170	180	174	160	
2	Đôi tương chính sách	146	120	116	103	113	
3	Khuyết tật	0	0	0	0	0	
4	Tuyển mới	48	42	35	38	48	
5	Học 2 buổi/ngày	199	191	188	185	170	
6	Bàn trú	199	191	188	185	170	
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	19,9	19,1	18,8	18,5	15,5	
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	24,9	38,2	36	34,8	32	
	- Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi						
	- Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi	10	15	31	22	16	
	- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	38	35	34	53	42	
	- Trẻ em từ 3-4 tuổi	45	43	33	35	49	
	- Trẻ em từ 4-5 tuổi	50	47	43	33	32	
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	56	51	47	42	31	

5. Các số liệu khác (nếu có)

Phần II TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Mầm non xã Phú Lương trước đây có tên gọi là trường Mầm non Phú Lương xã Mường Lói, trên cơ sở chia tách từ trường mầm non xã Mường Lói được thành lập theo Quyết định số 2945/QĐ-UBND ngày 03/8/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 03 tháng 8 năm 2012 và đến ngày 03 tháng 10 năm 2013 trường được đổi tên thành trường mầm non xã Phú Lương. Trường có 01 điểm trường chính và 07 điểm trường lẻ. Trung tâm trường được đặt tại Bản Na Há - Xã Phú Lương - Huyện Điện Biên - Tỉnh Điện Biên. Từ khi thành lập đến nay nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Phú Lương, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên, các cơ quan ban ngành nên cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư xây dựng đồng bộ. Có đủ phòng học và các phòng chức năng, các công trình của trường được xây dựng kiên cố, có tường bao và hàng rào cây xanh, có sân chơi láng xi măng sạch sẽ, có đồ chơi ngoài trời đủ số lượng theo quy định. Lớp học có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học.

Năm học 2023-2024 nhà trường có tổng số 23 đồng chí cán bộ, giáo viên, nhân viên (trong đó cán bộ quản lý: 03 đồng chí, có 02 tổ chuyên môn với 16 đồng chí giáo viên và 01 tổ văn phòng với 04 đồng chí nhân viên). Trường có 10/16 đồng chí giáo viên dạy giỏi các cấp (trong đó: giáo viên dạy giỏi cấp trường 10 đồng chí; giáo viên dạy giỏi cấp huyện 03 đồng chí).

Có 11 nhóm, lớp với 199 học sinh, trong đó có 3 nhóm trẻ 24-36 tháng với 30 học sinh; 01 lớp mẫu giáo bé với 26 học sinh; 01 lớp mẫu giáo ghép 4-5 tuổi lớn với 26 học sinh; trường có 06 lớp Mẫu giáo ghép 3+4+5 tuổi với 95 học sinh. Nhà trường tổ chức cho 100% số trẻ ăn bán trú tại trường và học 2 buổi/ngày, trẻ được chăm sóc - giáo dục theo chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp đảm bảo theo kế hoạch Ủy ban nhân dân huyện giao hằng năm đủ về số lượng đội ngũ cán bộ giáo viên nhân viên theo quy định.

Sau 11 năm đi vào hoạt động, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường qua các năm học, trường Mầm non xã Phú Lương đã có những bước phát triển mạnh mẽ về mọi mặt: nhiều năm liền trường đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, đạt nhiều thành tích xuất sắc được Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên, Liên đoàn lao động huyện Điện Biên tặng giấy khen. Các mặt hoạt động của nhà trường đều ổn định, phát triển bền vững, uy tín và vị thế của nhà trường đối với ngành học, với chính quyền địa phương và cha mẹ trẻ ngày một nâng lên. Với sự nỗ lực và cố gắng không ngừng, ngày 7 tháng 01 năm 2015 trường đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ra Quyết định số 05/QĐ-UBND công nhận trường Mầm non xã Phú Lương đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

Chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng chăm sóc giáo dục được nâng lên và khẳng định qua kết quả đánh giá chất lượng của từng năm học, đáp ứng đủ điều kiện trường Mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, trường chuẩn quốc gia Mức độ 1. Hằng năm nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp Ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp với các cơ quan đoàn thể đóng trên địa bàn, phụ huynh học sinh tập trung mọi nguồn lực xây dựng, cải tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn. Duy trì nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và tổ chức tốt các hoạt động của nhà trường.

2. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá là quá trình nhà trường tự kiểm tra, đánh giá trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Việc tự đánh giá giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, thông qua báo cáo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường.

Thông qua việc tự đánh giá, nhận thức của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên về công tác chăm sóc giáo dục trẻ được thay đổi theo chiều hướng tích cực. Công tác quản lý nhà trường ngày một chặt chẽ và nền nếp hơn. Công tác tự đánh giá thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục. Mỗi cá nhân nhận thức rõ hơn vai trò và trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao.

Kết quả tự đánh giá giúp cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên xác định được những điểm mạnh, điểm yếu. Từ đó có kế hoạch cải tiến, khắc phục phù hợp để cải thiện chất lượng hoạt động của nhà trường trong thời gian tới và những năm tiếp theo.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá.

Nhà trường đã triển khai cụ thể kế hoạch tự đánh giá tới toàn thể CBQL-GV-NV của nhà trường theo Thông tư 19/2018/TT- BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Thực hiện thành lập Hội đồng tự đánh giá có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổng thể và chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, tổ chức hướng dẫn kỹ năng viết phiếu đánh giá tiêu chí, xác định nội hàm, gợi ý tìm minh chứng cho từng nhóm. Hội đồng tự đánh giá được chia thành 03 nhóm, mỗi nhóm được phân công thu thập, xử lý, phân tích minh chứng và thu thập các minh chứng đảm bảo theo nội hàm của từng tiêu chuẩn.

Tự đánh giá là quá trình liên tục thực hiện theo kế hoạch, đòi hỏi tính khách quan, trung thực và công khai, có sự tham gia của tập thể và cá nhân trong nhà trường. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá được dựa trên các minh chứng cụ thể, đảm bảo độ tin cậy.

Hoạt động tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo đúng quy trình Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn gồm 7 bước sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3: Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

Bước 4: Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí.

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá.

Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Để báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau. Trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung của 5 tiêu chuẩn, trong quá trình đánh giá nhà trường căn cứ vào các văn bản quy định kiểm định chất lượng giáo dục Mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để làm cơ sở cho việc tiến hành tự đánh giá. Ngoài ra, nhà trường còn sử dụng các phương tiện hỗ trợ khác (máy vi tính, máy in, máy ảnh, mạng Internet...) để khai thác thông tin, minh chứng và viết báo cáo. Căn cứ vào Thông tư 19/2018/TT- BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Căn cứ vào kết quả tự đánh giá nhà trường đạt cấp độ 2.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1,2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Mầm non xã Phú Lương đã xây dựng kế hoạch đề ra chiến lược xây dựng và phát triển về công tác tổ chức và quản lý các hoạt động phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non và các nguồn lực của nhà trường. Kịch bản đầy đủ cơ cấu tổ chức theo đúng quy định, có tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức đoàn thể khác, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định, thực hiện quản lý và sử dụng tài chính, tài sản, lưu trữ hồ sơ khoa học. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, nâng cao hiệu quả chất lượng chăm sóc giáo dục.

Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được chia theo độ tuổi và lớp ghép theo quy định của Điều lệ trường mầm non, trẻ được học 2 buổi/ngày. Giáo viên căn cứ vào kế hoạch giáo dục nhà trường để xây dựng kế hoạch giáo dục của nhóm, lớp theo chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. Định kỳ tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên theo đúng năng lực, sở trường và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của từng đồng chí. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong cơ quan đơn vị, không có tình trạng đơn thư khiếu nại, tố cáo, đảm bảo các quyền lợi của cán bộ, giáo viên, nhân viên đúng quy định. Nhà trường luôn đảm bảo tốt an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, các nguy cơ cháy nổ, bạo lực học đường...

1. Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, định hướng năm 2030 phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục (Điều 22 Văn bản hợp nhất Luật Giáo dục số 07/VBHN-VPQH ngày 31/12/2015), phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phù hợp với các nguồn lực của nhà trường như đội ngũ CBQL, GV, NV và học sinh. Hằng năm, nhà trường cụ thể kế hoạch giai đoạn thành kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường, xây dựng đề án vị trí việc làm và kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục giai đoạn 2020-2025 cụ thể chi tiết phù hợp với tình hình thực tế của trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của các cấp, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng ủy, căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch được giao. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được phê duyệt và cụ thể hóa thành kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học được phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên phê duyệt để triển khai, thực hiện đảm bảo theo quy định [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

Hằng năm, nhà trường làm tốt công tác công khai phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và thực hiện niêm yết trên bảng tin công khai của nhà trường [H1-1.1-03].

Mức 2:

Hằng năm, giao cho Hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân, các đoàn thể giám sát các hoạt động của nhà trường để đạt được mục tiêu phương hướng xây dựng và phát triển [H1-1.1-04].

Mức 3:

Nhà trường định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường; tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ em và cộng đồng [H1-1.1-02];[H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Trong những năm qua nhà trường đã xây dựng phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường theo giai đoạn và cụ thể hóa thành kế hoạch thực hiện nhiệm vụ theo từng năm học, đã đưa ra được các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo từng năm học được phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt và niêm yết trên bảng tin. Hằng năm định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh việc thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương.

Nhà trường giao cho Hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân, các đoàn thể giám sát các hoạt động của nhà trường để đạt được mục tiêu phương hướng xây dựng và phát triển.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả hơn nữa phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo giai đoạn, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học phù hợp với mục tiêu của giáo dục mầm non và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Tiếp tục làm tốt công tác công khai phương hướng, chiến lược xây dựng, phát triển của nhà trường bằng hình thức niêm yết trên bảng tin, đăng tải trên trang thông tin điện tử của phòng Giáo dục và Đào tạo hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương để đạt hiệu quả cao hơn.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có hội đồng trường được Phòng GD&ĐT công nhận theo quyết định số 2855/QĐ-PGDĐT, ngày 22/11/2021 gồm 9 thành viên; Các Hội đồng khác do Hiệu trưởng thành lập theo quy định: Hội đồng thi đua khen thưởng gồm 8 thành viên; Hội đồng chăm sóc kiến 5 gồm thành viên; Hội đồng chăm

thi giáo viên dạy giỏi cấp trường gồm 5 thành viên [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04].

Các hội đồng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại điều 18, điều 19 của văn bản Hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 quyết định Ban hành Điều lệ trường mầm non [H1-1.2-05].

Các hội đồng được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh bổ sung nội dung hoạt động cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04].

Mức 2:

Các hội đồng duy trì hoạt động tích cực có hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường [H1-1.2-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hội đồng trường, hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng chăm sóc kiến, hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường; các hội đồng thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá, duy trì tổ chức các hoạt động có hiệu quả được trong việc góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo nhà trường tiếp tục kiện toàn các hội đồng, duy trì và phát huy hơn nữa hiệu quả hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác trong việc góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có tổ chức công đoàn gồm 22 công đoàn viên, Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh gồm 21 đoàn viên [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

Hàng năm, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường luôn phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong công tác xây dựng kế hoạch, đảm bảo thực hiện hoạt động theo quy định, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Thực hiện tốt các hoạt động phong trào, chăm lo đời sống cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và công tác quyên góp ủng hộ từ thiện đảm bảo theo quy định của nhà trường và của cấp trên [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

Các hoạt động của tổ chức, đoàn thể nhà trường thường xuyên được rà soát, kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng hoạt động một cách hiệu quả [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

Mức 2:

Nhà trường có 01 Chi bộ Đảng độc lập gồm 9 đảng viên có cơ cấu tổ chức, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ nhà trường đều được Đảng ủy xã Phú Lương đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Hàng năm các đoàn thể tích cực hoạt động phối kết hợp với nhà trường thực hiện đảm bảo chỉ tiêu, kế hoạch đề ra góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường, được lãnh đạo các cấp công nhận và tặng giấy khen [H1-1.3-05].

Mức 3:

Hàng năm tổ chức cơ sở Đảng Cộng sản Việt Nam trong nhà trường luôn triển khai và thực hiện tốt các quy định của Hiến pháp, pháp luật, thực hiện đúng Điều lệ Đảng Cộng sản và trong những năm qua luôn được Đảng ủy xã Phú Lương đánh giá chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-04].

Các tổ chức đoàn thể và các tổ chức khác của nhà trường hàng năm đều có những đóng góp tích cực vào các hoạt động của nhà trường và cộng đồng, mang lại hiệu quả trong cao trong quá trình hoạt động [H1-1.3-05].

2. Điểm mạnh

Trường có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác như: tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Các tổ chức, đoàn thể hoạt động theo quy định, làm tốt công tác tham mưu, tích cực hoạt động phối kết hợp nhà trường tổ chức các hoạt động, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ nhà trường đều được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ, các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường đều được tặng giấy khen.

Đảm bảo thực hiện tốt các quy định của Hiến pháp và pháp luật, thực hiện đúng điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo nhà trường tiếp tục duy trì tốt cơ cấu tổ chức các đoàn thể và các tổ chức khác theo quy định. Các đoàn thể, tổ chức khác phối hợp thực hiện tốt các hoạt động của nhà trường. Tích cực học tập trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị bạn, đưa ra các giải pháp đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng về mọi mặt của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng đảm bảo theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 06/2015/TTLT- BGDDT -BNV ngày 16/3/2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02].

Nhà trường có 02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng, trong đó: Tổ mẫu giáo đơn+ Nhà trẻ có 08 thành viên, tổ mẫu giáo ghép có 8 thành viên, tổ văn phòng có 05 thành viên, các tổ chuyên môn đều có tổ trưởng và tổ phó, tổ văn phòng có 01 tổ trưởng và các nhân viên: Văn thư, Kế toán, Bảo vệ, Y sĩ, Hiệu trưởng theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 06/2015/TTLT- BGDDT -BNV ngày 16/3/2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

Hằng năm tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động theo tuần, tháng, năm học, thực hiện sinh hoạt chuyên môn định kỳ 2 lần/tháng và thực hiện các nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các thành viên trong tổ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, giáo dục trẻ;

quản lý việc sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục, hồ sơ sổ sách; việc thực hiện quy chế chuyên môn; tham gia đánh giá xếp loại CBQL, GV, NV trong tổ theo quy định [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06].

Mức 2:

Hàng năm các tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của ngành, của trường, chất lượng chuyên môn và yêu cầu về chăm sóc giáo dục trẻ đề xuất các nội dung chuyên đề với chuyên môn nhà trường để xây dựng kế hoạch chung cho cả năm học, tháng, tuần. Căn cứ vào kế hoạch cụ thể của nhà trường, các tổ xây dựng và thực hiện chuyên đề giải quyết những vướng mắc khó khăn thực tế của giáo viên, từ đó thúc đẩy chất lượng chuyên môn của giáo viên góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục. Các tổ đã đề xuất và thực hiện các chuyên đề như: Chuyên đề xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, chuyên đề lồng ghép giới, ứng phó với biến đổi khí hậu, lồng ghép tư tưởng Hồ Chí Minh, tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số [H1-1.4-05].

Hàng năm các tổ chuyên môn, tổ văn phòng tổ chức hoạt động theo đúng kế hoạch, định kỳ rà soát, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của tổ [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07].

Mức 3:

Hoạt động của các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có những đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.2-06].

Hàng năm các tổ chuyên môn thực hiện đầy đủ các chuyên đề chuyên môn theo kế hoạch, có sự tham gia đóng góp của cán bộ quản lý, giáo viên, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.2-06]; [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 01 Hiệu trưởng, 02 phó Hiệu trưởng, 02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng đảm bảo theo quy định. Hàng năm các tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động theo quy định, có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Các tổ chuyên môn đã đề xuất, thực hiện có hiệu quả các chuyên đề chuyên môn để nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục. Nhà trường đã định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức theo quy định. Chỉ đạo các tổ chuyên môn, tổ văn phòng tổ chức các hoạt động có hiệu quả trong việc thực hiện nhiệm vụ. Chủ động tích cực hơn trong việc đề xuất sinh hoạt chuyên đề để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy

định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 2 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ em cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 nhóm trẻ, 3 lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi và 6 lớp mẫu giáo ghép đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non [H1-1.5-01].

100% các nhóm, lớp được tổ chức học 2 buổi/ngày đảm bảo theo quy định [H1-1.5-02].

Trong các năm học qua nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

Mức 2:

Hàng năm có hơn 50% số trẻ trong trường được bố trí phân chia theo độ tuổi học chương trình giáo dục của mẫu giáo đơn, 50% số trẻ ở các điểm trường được học tập theo chương trình lớp ghép 3 độ tuổi. Số lượng trẻ không vượt quá theo quy định tại điều 13 Điều lệ trường mầm non [H1-1.5-01].

Mức 3:

Trong các năm học vừa qua nhà trường không có năm nào vượt quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, cụ thể: Năm học 2020-2021 có tổng số 10 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo; năm học 2021-2022 có 10 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo; năm học 2022-2023 là 10 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo; năm học 2023-2024 là 11 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo; đến thời điểm hiện tại nhà trường có 1 nhóm trẻ và 9 lớp mẫu giáo [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Trong các năm học vừa qua nhà trường luôn huy động đảm bảo số lượng học sinh ra lớp, duy trì tỷ lệ chuyên cần cao. Số trẻ trong mỗi nhóm trẻ và lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. 100% nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi/ngày.

3. Điểm yếu:

Nhà trường có 6 lớp mẫu giáo ghép, tỉ lệ phần trăm lớp ghép còn cao 54,5%.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo nhà trường tiếp tục tăng cường các biện pháp huy động tối đa số trẻ trong độ tuổi ra lớp, đặc biệt là trẻ từ 0-2 tuổi và trẻ 3-5 tuổi, duy trì và tổ chức tốt các nhóm, lớp đảm bảo số lượng trẻ/nhóm lớp theo quy định tại Điều lệ trường Mầm non.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

6. Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đầy đủ theo quy định tại mục 1 chương II của Luật lưu trữ bao gồm các hồ sơ: hồ sơ quản lý trẻ em, hồ sơ quản lý bán trú, hồ sơ quản lý nhân sự, hồ sơ quản lý chuyên môn, hồ sơ quản lý tài sản, tài chính, sổ lưu trữ các văn bản, công văn [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H1-1.6-01]; [1-1.6-02]; [H1-1.6-03].

Hàng năm nhà trường đều lập dự toán thực hiện công tác thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định; định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản, lưu trữ chứng từ thu, chi, quyết toán đầy đủ và công khai theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và các quy định hiện hành. Có đầy đủ các chứng từ, lưu trữ theo quy định [1.6-02].

Hàng năm nhà trường đã làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục [1.6-02].

Mức 2:

Trong các năm học qua nhà trường sử dụng có hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường như: Phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia, phần mềm phổ cập; quản lý tài chính và tài sản sử dụng phần mềm Misa của nhà trường. Hệ thống máy tính được kết nối mạng Internet, có sử dụng một số phần mềm phục vụ cho công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản và các hoạt động trong nhà trường [H1-1.2-06].

Trong 5 năm liên tiếp nhà trường được các cấp kiểm tra đánh giá, kết luận thực hiện tốt việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản, lưu trữ các chứng từ đầy

đủ, khoa học không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản [1.6-02].

Mức 3:

Nhà trường có kế hoạch để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và điều kiện thực tế của địa phương [1.6-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ được lưu trữ đầy đủ theo quy định của luật lưu trữ. Hằng năm đã làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục. Trong các năm học qua nhà trường sử dụng có hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Trong 5 năm liên tiếp nhà trường được các cấp kiểm tra đánh giá, kết luận không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản.

3. Điểm yếu: Nhà trường chưa có kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và điều kiện thực tế của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục rà soát, sắp xếp hệ thống hồ sơ khoa học theo đúng Luật lưu trữ, tiếp tục duy trì và làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục. Sử dụng có hiệu quả hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Nhà trường xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn tham mưu với phòng Giáo dục và Đào tạo để xây dựng kế hoạch giao ngân sách nhà nước tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và điều kiện thực tế của địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, đưa ra các nhiệm vụ cụ thể cho việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên [H1-1.1-02]; [H1-1.4-05].

Hằng năm nhà trường thực hiện phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo hợp lý, phù hợp với năng lực sở trường công tác, đảm

bảo hiệu quả nhằm phát huy khả năng của mỗi cá nhân trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.7-01].

100% giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều 37 Điều lệ trường mầm non ban hành tại văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo như: được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, được hưởng lương phụ cấp và các chế độ khác theo quy định; được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần, được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ chính sách quy định; được bảo vệ nhân phẩm danh dự; được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.2-06];[1.6-02].

Mức 2:

Trong các năm qua nhà trường có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, hợp lý, phù hợp, tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục góp phần phát triển và nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02];

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn theo quy định; phân công nhiệm vụ cụ thể, hợp lý, rõ ràng phù hợp với năng lực và điều kiện hoàn cảnh của từng người; đã sử dụng nhiều biện pháp phát huy được khả năng của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong xây dựng, phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục của nhà trường. 100% giáo viên, nhân viên trong nhà trường được bảo đảm các quyền theo quy định. Nhà trường phát huy năng lực quản lý, giáo viên và nhân viên, phân công cụ thể rõ ràng, hợp lý, phù hợp tạo điều kiện cho cán bộ, quản lý giáo viên, nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, nhân viên đạt hiệu quả cao. Thường xuyên rà soát các nội dung để có điều chỉnh kịp thời. Quán triệt thực hiện tốt việc tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị do các cấp tổ chức. Thực hiện có hiệu quả, đúng kế hoạch về nội dung bồi dưỡng của nhà trường nhằm nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, duy trì đảm bảo đầy đủ các quyền lợi cho giáo viên, nhân viên theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) *Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, căn cứ vào chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành, nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục sát với chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành, đảm bảo mục tiêu cuối độ tuổi, phù hợp với điều kiện của lớp, địa phương, thực tế của nhà trường và nhận thức của học sinh để chỉ đạo xây dựng chương trình giáo dục nhà trường, các nhóm, lớp có kế hoạch giáo dục trẻ theo năm học, chủ đề, tuần và ngày theo quy định của chương trình GDMN, đảm bảo mục tiêu cuối độ tuổi, phù hợp với điều kiện của lớp, của trường và địa phương [H1-1.8-01].

Nhà trường chỉ đạo giáo viên xây dựng và thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục của nhóm, lớp, đảm bảo đạt hiệu quả tốt các hoạt động giáo dục trẻ theo quy định của trường, của ngành và địa phương [H1-1.8-02].

Nhà trường, tổ chuyên môn phối hợp định kỳ kiểm tra, rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch giáo dục kịp thời cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H1-1.4-07].

Mức 2:

Hàng năm nhà trường có biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của từng nhóm, lớp, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ qua từng năm được nâng lên một cách rõ rệt, được thể hiện qua các hội thi của trẻ trong các năm học luôn được khen thưởng, đạt giải [H1-1.4-07]; [H1-1.8-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục sát với chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành, đảm bảo mục tiêu cuối độ tuổi, phù hợp với điều kiện của lớp, điều kiện địa phương, thực tế của nhà trường và nhận thức của học sinh, triển khai thực hiện kế hoạch đầy đủ, hiệu quả. Đồng thời đưa ra các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch kịp thời phù hợp với tình hình thực tế. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo Ban giám hiệu tích cực chỉ đạo giáo viên làm tốt hơn nữa việc xây dựng kế hoạch giáo dục và triển khai có hiệu quả phù hợp với độ tuổi và điều kiện thực tế. Tiếp tục rà soát, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện thực tế.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ trong nhà trường theo QĐ số 04/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 1/3/2000 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường được tham gia, thảo luận đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định và quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường [H1-1.9-01].

Trong những năm qua nhà trường không có đơn thư khiếu nại vượt cấp của CBQL, GV, NV và cha mẹ trẻ trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường [H1-1.2-06].

Hằng năm nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị, có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.2-06]. [H1-1.9-01].

Mức 2:

Nhà trường có biện pháp và cơ chế giám sát thực hiện tốt quy chế dân chủ đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả: Công khai chất lượng chăm sóc giáo dục, chất lượng đội ngũ, chất lượng học sinh, tài chính, tài sản, các kế hoạch của nhà trường, công tác thi đua, bình xét nâng lương, công tác Đảng, các văn bản liên quan đến chế độ chính sách cán bộ, giáo viên, nhân viên và kết quả xã hội hóa trên bảng tin, bảng công khai, báo cáo tổng kết của nhà trường để mọi người cùng biết [H1-1.2-06]. [H1-1.9-02].

2. Điểm mạnh

Hằng năm nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ, đảm bảo 100% CBQL, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ. Công tác dân chủ tại đơn vị được chú trọng nên không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời lên cấp trên về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị. Có các biện pháp, cơ chế giám sát việc thực hiện theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch dưới mọi hình thức trong các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo nhà trường thực hiện tốt công tác dân chủ, công khai minh bạch, phát huy quyền dân chủ của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc góp ý nội quy quy chế, quy định liên quan đến

các hoạt động của nhà trường. Có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích, an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm, xây dựng phương án thực hiện theo năm học như: Phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Nhà trường có tổ chức bếp ăn được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05]; [H1-1.10-06]; [H1-1.10-07]; [H1-1.10-08].

Nhà trường có hộp thư góp ý được đặt ở nơi thuận lợi, có số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của CBQL, GV, NV và phụ huynh học sinh, của người dân và các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến [1-1.10-09];

Trong những năm học qua không có hiện tượng kỳ thị, không có cán bộ, giáo viên, nhân viên nào có hành vi bạo lực trẻ em và những hành vi, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường. [H1-1.10-03].

Mức 2:

Nhà trường đã phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện các phương án như: Phương án đảm bảo an ninh trật tự; phương án vệ sinh an toàn thực phẩm; phương án phòng chống tai nạn

thương tích; Phương án phòng cháy, chữa cháy; phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phương án phòng chống dịch bệnh; phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05]; [H1-1.10-06]; [H1-1.10-07].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Trong các năm học không có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường trong nhà trường [H1-1.10-07]; [H1-1.2-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng các phương án theo quy định, phổ biến, hướng dẫn thực hiện có hiệu quả tới toàn thể CBQL, GV, NV và học sinh. Có hòm thư góp ý để ở nơi thuận tiện để cho giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh và các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến. Thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực trong nhà trường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Không có trường hợp nào bị kỷ thi, không có cán bộ, giáo viên, nhân viên nào có hành vi bạo lực trẻ em và những hành vi vi phạm pháp luật khác trong nhà trường.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo theo hướng tự chủ tự chịu trách nhiệm; Tăng cường công tác phối hợp với các ban ngành ở địa phương như: Trạm y tế xã Phú Lương, Công an xã, Hội phụ nữ xã, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh... xây dựng phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về tiêu chuẩn 1:

Trường mầm non xã Phú Lương đã xây dựng kế hoạch đề ra phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030. Đảm bảo có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều lệ trường mầm non (Hội đồng trường và các Hội đồng khác); Có chỉ bộ Đảng và các đoàn thể hoạt động theo đúng quy định; có Hiệu trưởng, đủ các phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các tổ khối hoạt động hoạt động hiệu quả, được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh.

Hằng năm, nhà trường có số lượng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định, được phân chia theo độ tuổi và lớp ghép. 100% trẻ được học 2 buổi/ngày. Số trẻ/lớp đảm bảo không vượt quá quy định. Hằng năm, nhà trường có không quá 20 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

Nhà trường có hệ thống hồ sơ đầy đủ và được lưu trữ theo quy định của Luật lưu trữ; hằng năm quản lý tài chính, tài sản đúng mục đích có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục. Trong 05 năm tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Nhà trường chưa có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp với điều kiện của nhà trường, thực tế địa phương.

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ giáo viên, nhân viên. Thực hiện phân công, sử dụng cán bộ hợp lý, hiệu quả, đảm bảo được các quyền, chế độ theo quy định. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với quy định, điều kiện thực tế, đảm bảo mục tiêu giáo dục, định kỳ có rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kịp thời, chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ đạt hiệu quả. Công tác an ninh trật tự, an toàn của nhà trường được đảm bảo, phụ huynh yên tâm, tin tưởng khi gửi con em đến trường.

- Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 1: 10 tiêu chí

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 10.

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu:

Nhà trường có đội ngũ CBQL, GV, NV có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với nghề nghiệp, có tỷ lệ trình độ đào tạo trên chuẩn cao. Chất lượng, năng lực đội ngũ từng bước được nâng lên đáp ứng yêu cầu CSGD trẻ theo Chương trình GDMN và yêu cầu đổi mới về GDMN trong giai đoạn hiện nay.

Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng nhà trường có nhiều năm công tác liên tục trong ngành GDMN, 3/3 đồng chí có trình độ chuyên môn đại học, trung cấp lý luận chính trị, 2/3 đồng chí CBQL có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục, 01 đồng chí HT Lò Thị Nút có chứng chỉ quản lý nhà nước chương trình chuyên viên. 3/3 đồng chí có năng lực quản lý, ứng dụng công nghệ thông tin tốt trong công tác quản lý và chỉ đạo chuyên môn. Đội ngũ CBQL, GV, NV thường xuyên được bồi dưỡng và tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ. Hằng năm CBQL được đánh giá xếp loại theo chuẩn hiệu trưởng, giáo viên được đánh giá, xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đạt ở mức đạt trở lên. Đội ngũ giáo viên, nhân viên được phân công công việc phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng đáp ứng được các tiêu chuẩn quy định tại điều 16 và điều 17 Điều lệ trường mầm non. Hiệu trưởng có thời gian công tác liên tục trong giáo dục mầm non là 12 năm, Phó hiệu trưởng Quảng Thị Khuyên công tác liên tục trong giáo dục mầm non là 13 năm, Phó hiệu trưởng Lò Thị Chuyên công tác liên tục trong giáo dục mầm non là 10 năm; Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều có bằng đại học sư phạm mầm non, có bằng trung cấp lý luận chính trị, 02 đồng chí có chứng chỉ bồi dưỡng quản lý giáo dục mầm non, 01 đồng chí có chứng chỉ quản lý nhà nước chương trình chuyên viên, có uy tín về chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực quản lý nhà trường và có đủ sức khỏe để công tác; [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]; [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

Hàng năm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên đánh giá xếp loại đạt từ khá trở lên theo quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.1-03].

Hàng năm 3/3 đồng chí cán bộ quản lý được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định như: Bồi dưỡng chuyên môn hè, bồi dưỡng các chuyên đề các cấp... [H2-2.1-04].

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng từ mức khá trở lên, đồng chí hiệu trưởng qua [H2-2.1-03].

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có bằng trung cấp lý luận chính trị. Trong quá trình công tác các đồng chí hiệu trưởng, phó hiệu trưởng luôn được sự tín nhiệm của tập thể giáo viên, nhân viên trong trường đánh giá tốt về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực chuyên môn nghiệp vụ, luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ, được lãnh đạo các cấp đánh giá cao và khen thưởng [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03]; [H2-2.1-04].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng được phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng từ loại khá trở lên. [H2-2.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 1 hiệu trưởng và 2 phó hiệu trưởng đáp ứng được các tiêu chuẩn quy định tại điều 16 và điều 17 Điều lệ trường mầm non. Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục, lý luận chính trị. Có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động của nhà trường. Trong các năm liên tục Ban giám hiệu được đánh giá chuẩn hiệu trưởng,

phó hiệu trưởng đạt mức khá trở lên.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm 2023-2024 và các năm tiếp theo trên cơ sở kết quả tự đánh giá xếp loại của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, kết quả đánh giá, phân loại của cơ quan, quản lý các cấp hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng tiếp tục tích cực bồi dưỡng phấn đấu nâng cao chuyên môn nghiệp vụ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Tiếp tục tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác quản lý giáo dục mầm non.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2023-2024 nhà trường có 16 giáo viên/10 nhóm, lớp, tỷ lệ 1,5 GV/lớp, đảm bảo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, đáp ứng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.6-01]; [H2-2.2-01].

16/16 giáo viên trong trường trình độ trên chuẩn trở lên đạt 100% (trong đó Đại học: 14 đ/c; Cao đẳng: 2 đ/c) [H2-2.2-02].

Tại thời điểm đánh giá nhà trường có 12/16 giáo viên được đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ở mức đạt trở lên (trong đó có 2 giáo viên mới tuyển tháng 10/2023 và 2 giáo viên hợp đồng chưa đánh giá chuẩn nghề nghiệp)[H2-2.2-03].

Mức 2:

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo trở lên. Tỷ lệ giáo viên có trình độ trên chuẩn đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình từ năm 2020 đến năm 2023 tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn là 100% [H2-2.2-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên. Trong đó, mức tốt 4/12 giáo viên đạt tỷ lệ 33,3%, mức khá 4/12 giáo viên đạt tỷ lệ 33,3%, mức đạt 4/12 giáo viên, tỷ lệ 33,3% [H2-2.2-02].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-03].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá 100% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn. Trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình [H2-2.2-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên. Trong đó, mức tốt 4/12 giáo viên đạt tỷ lệ 33,3%, mức khá 4/12 giáo viên đạt tỷ lệ 33,3%, mức đạt 4/12 giáo viên, tỷ lệ 33,3% [H2-2.2-03].

2. Điểm mạnh

Trường có tổng số 16 giáo viên/ nhóm, lớp đạt tỷ lệ 1,5 GV/nhóm, lớp. Đáp ứng đủ số lượng giáo viên yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục mầm non. 16/16 giáo viên đảm bảo yêu cầu về trình độ đào tạo từ trên chuẩn trở lên đạt 100%. 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non trở lên, trong đó mức tốt là 33,3%, mức khá 33,3 %.

3. Điểm yếu: Nhà trường vẫn còn 4 đồng chí giáo viên xếp loại chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường nâng cao tỷ lệ giáo viên đạt trình độ đào tạo trên chuẩn. Năm 2023, 100% một giáo viên có trình độ cao đẳng nâng trình độ đào tạo lên đại học. Duy trì tỷ lệ giáo viên xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ở mức khá trở lên. Tiếp tục bồi dưỡng cho giáo viên xếp loại chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt được tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; khuyến khích giáo viên học tiếng của các dân tộc thiểu số.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 04 nhân viên, kể cả biên chế, hợp đồng theo Nghị định 68 và hợp đồng ngắn hạn, trong đó có 01 nhân viên bảo vệ, 1 nhân viên y tế kiêm nhiệm, 01 nhân viên văn thư và 01 kế toán [H1-1.6-01].

Đội ngũ nhân viên trong nhà trường được phân công công việc rõ ràng, phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn và nhu cầu lao động của từng đồng chí [H1-1.7-01].

Nhân viên trong nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao, thực hiện đúng nội quy, quy chế chuyên môn, nghiệp vụ, làm tốt công tác quản lý tài chính, tài sản, công tác tổ chức nấu ăn cho trẻ, công tác chăm sóc sức khỏe và bảo quản tốt cơ sở vật chất trong nhà trường, hằng năm đều được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ được giao [H2-2.3-01].

Mức 2:

Nhà trường có 04 nhân viên, kể cả biên chế, hợp đồng theo Nghị định 68 và hợp đồng ngắn hạn theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ nội vụ, quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.6-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-01].

Mức 3:

Nhà trường có đội ngũ nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm: Nhân viên kế toán có bằng tốt nghiệp đại học, nhân viên y tế có bằng tốt nghiệp trung cấp, hằng năm nhân viên bảo vệ và nhân viên văn thư, nấu ăn được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ [H2-2.3-01].

Hằng năm đội ngũ nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm. Các năm đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H2-2.3-01].

2. Điểm mạnh

Nhân viên trong nhà trường được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ đào tạo và năng lực làm việc thực tế của mỗi cá nhân, Nhân viên nấu ăn được tập huấn lớp sệ sinh an toàn thực phẩm, 100% nhân viên thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu: Nhà trường thiếu 3 nhân viên nấu ăn theo Điều 5 tại Thông tư 06/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục tham mưu duy trì số lượng nhân viên hiện có. Thực hiện phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ đào tạo và năng lực làm việc thực tế của mỗi nhân viên. Tiếp tục bồi dưỡng về chuyên môn cho đội ngũ nhân viên, nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhà trường tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên bổ sung thêm 3 đồng chí nhân viên nấu ăn đảm bảo đủ định mức số lượng 35 trẻ/ 01 nhân viên nấu ăn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Trường Mầm non xã Phu Luông có đội ngũ CBQL, GV, NV có phẩm chất đạo đức trong sáng, lối sống lành mạnh, có tinh thần trách nhiệm cao, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, đảm bảo yêu cầu về trình độ đào tạo. Đội ngũ CBQL, GV, NV tích cực tham gia các loại hình đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, nghiệp vụ quản lý; hoạt động tích cực, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; được đánh giá nghiêm túc, khách quan vào các đợt thi đua và đánh giá theo Chuẩn. 100% giáo viên, cán bộ quản lý đảm bảo yêu cầu của chuẩn chức danh, chuẩn nghề nghiệp.

- Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 3 tiêu chí

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 3.

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường là yếu tố quan trọng để thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ. Chính vì lẽ đó nhà trường luôn quan tâm đến việc xây dựng chăm sóc giáo dục, mua sắm trang thiết bị để đáp ứng yêu cầu dạy và học. Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng ở cả trung tâm và các điểm trường với khuôn viên xanh sạch đẹp, hệ thống cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được cắt tỉa đẹp. Có cổng trường, biển tên trường, tường và hàng rào B40 bao quanh ngăn cách với bên ngoài. Có nguồn nước sạch đảm bảo cho các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường, hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Có vườn cây cho trẻ chăm sóc, có sân chơi với các đồ chơi ngoài trời đảm bảo về số lượng, an toàn theo quy định. Có đủ các phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng đa chức năng, đảm bảo về diện tích và các thiết bị phục vụ cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Nhà bếp, nhà kho xây dựng kiên cố và được vận hành đúng theo quy trình bếp 1 chiều. Nhà vệ sinh không ô nhiễm, đảm bảo diện tích và có các thiết bị

vệ sinh theo quy định. Có đủ các loại phòng hành chính - quản trị với các thiết bị tối thiểu tại các phòng đảm bảo theo quy định.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài, có sân chơi, nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa đẹp; Có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao hồ (nếu có).

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có tổng diện tích đất xây dựng 5280,45 m² (Trong đó: Trung tâm: 1696,1 m², điểm trường Khăm Pọm 330m², điểm trường Bản Xẻ 416,45, điểm trường Bản Xôm: 532m², điểm trường Pá Chả: 504m², điểm trường Huổi Cảnh: 700m², điểm trường Loong Ngua 500m², điểm trường C5: 600m²). Tổng số trẻ toàn trường là 199 trẻ, bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định (26,5m²/trẻ), các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố và bán kiên cố [H3-3.1-01] .

Có cổng trường, biển tên trường đúng theo quy định tại điều 7 của Điều lệ trường mầm non. Trung tâm và các điểm trường đều có tường bao, hàng rào thép B40 và hàng rào cây xanh bao quanh được dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ, phù hợp cảnh quan môi trường thân thiện, an toàn cho trẻ vui chơi và học tập [3.1-02]. (mã hóa không đúng theo công văn số 5942 của Bộ GDĐT)

Trường có đủ sân chơi, hiên chơi, hành lang cho các nhóm, lớp đảm bảo theo quy định. Sân chơi chung được quy hoạch và thiết kế phù hợp đảm bảo an toàn cho trẻ tất cả trẻ được sử dụng. Cây xanh thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa gọn gàng tạo bóng mát cho trẻ hoạt động [3.1-02].

Mức 2:

Nhà trường có diện tích xây dựng công trình là 826m² và diện tích sân vườn 4454,45m² đảm bảo (26,5 m²/trẻ) theo quy định [3.1-02].

Xung quanh trường đều có tường, hàng rào thép B40 và hàng rào cây xanh bao quanh ngăn cách với bên ngoài, đảm bảo an toàn cho trẻ. Trung tâm và các điểm trường có sân chơi, bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa gọn gàng, có vườn rau, vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc và tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm, khám phá, học tập [3.1-02].

Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non, khu vực trẻ chơi thường xuyên vệ sinh sạch sẽ, có tường, hàng rào bao quanh đảm bảo an toàn ngăn cách với bên ngoài [3.1-02].

Mức 3:

Trường có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành hằng năm có bổ sung các thiết bị đồ chơi ngoài phù hợp với thực tế của nhà trường, đảm bảo an toàn cho trẻ [1.6-02];[3.1-02].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ diện tích đất sử dụng (5280,45m² bình quân 26,5 m²/trẻ) và diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu đảm bảo cho trẻ đảm bảo theo quy định, có đầy đủ cổng, biển tên trường, khuôn viên có tường bao, hàng rào thép B40 và hàng rào cây xanh bao quanh đảm bảo an toàn cho trẻ. Trung tâm và các điểm trường có bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát, có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, khám phá, học tập, có khu vui chơi với các thiết bị và đồ chơi ngoài trời đảm bảo theo quy định. Có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi theo Danh mục.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh, bảo quản và sử dụng có hiệu quả các công trình xây dựng, các thiết bị và đồ dùng đồ chơi ngoài trời. Thường xuyên có kế hoạch bổ sung và chăm sóc cắt tỉa bồn hoa, cây cảnh tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp giúp trẻ có nhiều cơ hội học tập, trải nghiệm và khám phá. Năm học 2023-2024 nhà trường tiếp tục huy động các nguồn xã hội hóa, các tổ chức từ thiện để xây dựng tường bao ở điểm trường Huổi Cảnh, Pá Chả.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động

giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 11 phòng học/11 nhóm/ lớp (trong đó: 3 phòng cho nhóm trẻ 25 - 36 tháng; 01 phòng cho lớp mẫu giáo 3 tuổi; 01 phòng cho lớp mẫu giáo ghép 4-5 tuổi; 06 phòng cho lớp ghép [3.2-02].

Nhà trường có 11 phòng sinh hoạt chung, (Trung tâm, điểm trường Khăm Pọm, Loong Nguá, C5 phòng sinh hoạt chung vừa là phòng tổ chức cho trẻ học tập và vui chơi, vừa làm phòng ngủ cho trẻ. Điểm trường Bản Xẻ, Bản xôm, Pá Chả, Huồi Cảnh có phòng ngủ riêng cho nhóm trẻ và mẫu giáo); Trung tâm và 07 điểm trường có khu để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất với đầy đủ đồ dùng đảm bảo đáp ứng được các hoạt động phát triển giáo dục thể chất cho trẻ; trung tâm có 01 phòng giáo dục nghệ thuật trang bị đầy đủ đồ dùng (Gương, gióng múa, đàn...) phục vụ cho việc giáo dục nghệ thuật cho trẻ [H1-1.6-02]; [3.1-02].

Các nhóm lớp có hệ thống bóng điện đủ ánh sáng, 02 quạt điện/phòng học đảm bảo cho hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học đầy đủ cho các nhóm, lớp, điểm trường C5 chưa có hệ thống điện [H1-1.6-02].

Mức 2:

Trung tâm và 07 điểm trường đều có đủ phòng sinh hoạt chung đảm bảo diện tích, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, 04 phòng ngủ tại điểm trường Bản Xẻ, Bản xôm, Pá Chả, Huồi Cảnh có đủ chăn, chiếu, chăn, gối, quạt, hệ thống tủ đựng các đồ dùng phục vụ cho trẻ ngủ, thuận tiện khi sử dụng. Nhà trường có 01 phòng giáo dục nghệ thuật có nhiều các thiết bị như đàn, gương, gióng múa, trang phục, dụng cụ âm nhạc đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H1-1.6-02]; [3.1-02].

Nhà trường có 11/11 nhóm, lớp có đầy đủ hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, tủ đồ dùng cá nhân, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng đảm bảo đầy đủ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H1-1.6-02]; [3.1-02].

Mức 3:

Nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng sinh hoạt chung đảm bảo diện tích bình quân/trẻ, có phòng 04 ngủ riêng đảm bảo diện tích (bình quân 1,2 m²/trẻ), có đủ phản, chiếu, chăn, gối, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Các nhóm lớp có hệ thống bóng điện, quạt điện đảm bảo cho hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Các phòng học đều có hệ thống tủ, kệ, giá để đồ dùng đồ chơi đảm bảo và được sắp xếp hợp lý, thuận tiện, an toàn khi sử dụng. Nhà trường có phòng đa chức năng để tổ chức cho trẻ hoạt động thể chất, nghệ thuật đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu: Nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ. Trung tâm và các điểm trường C5, Lọng Ngua, Kham Pòm, chưa có phòng ngủ riêng cho trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo nhà trường tiếp tục bảo quản, sử dụng có hiệu quả các phòng, lớp học, đồ dùng, đồ chơi hiện có. Năm 2023-2024 xây dựng tham mưu xây thêm phòng ngủ. Duy trì các hoạt động cho trẻ làm quen với tin học, âm nhạc phát huy những điểm mạnh như bảo quản, sử dụng có hiệu quả các phòng, lớp học, đồ dùng, đồ chơi hiện có. Thường xuyên kiểm tra việc sử dụng, bảo quản các trang thiết bị, đồ dùng, tại các khối phòng học, có kế hoạch bổ sung trang thiết bị cần thiết cho các khối phòng đa chức năng của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Có các loại phòng theo quy định;
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có các khối phòng hành chính - quản trị theo quy định tại khoản e, mục 5, điều 27 Điều lệ trường mầm non: Văn phòng trường; phòng hiệu trưởng; phòng phó hiệu trưởng; phòng hành chính - quản trị; phòng y tế; phòng bảo vệ; phòng dành cho nhân viên; khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên nhân viên; khu để xe cho cán bộ, giáo viên nhân viên [3-3.2-02].

Văn phòng trường có đầy đủ bàn ghế họp, trang thiết bị cho cán bộ, giáo viên, nhân viên họp và tổ chức các hoạt động khác; phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có tủ, bàn làm việc, máy tính, bàn ghế tiếp khách và các phương tiện làm việc; phòng y tế có giường bệnh, tủ thuốc; phòng hành chính – quản trị có máy

tính, tủ; phòng bảo vệ; phòng dành cho nhân viên có tủ để đồ dùng cá nhân, phòng bảo vệ có bàn ghế, đồng hồ, bảng, sổ theo dõi khách, đồ dùng, thiết bị đảm bảo theo yêu cầu [3.1-02]; [H1-1.6-02].

Trung tâm trường có khu để xe giành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, được bố trí, sắp xếp hợp lý đảm bảo an toàn, khoa học [3.1-02].

Mức 2:

Văn phòng trường có diện tích 50m²; phòng Hiệu trưởng có diện tích 15m², phòng các phó hiệu trưởng diện tích 15m², phòng hành chính - quản trị có diện tích 15 m², phòng bảo vệ có diện tích 12 m²; phòng dành cho nhân viên có diện tích 15 m², phòng y tế có diện tích 15 m², các phòng đủ diện tích đảm bảo quy định theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 3907:2011 [H1-1.6-02].

Khu để xe dành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đều có mái che đảm bảo an toàn tiện lợi, khu để xe trung tâm có diện tích 60m² được bố trí hợp lý đảm bảo đủ diện tích cho xe giáo viên [3.1-02].

Mức 3:

Số lượng, diện tích các phòng hành chính - quản trị của nhà trường đảm bảo đủ theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế mầm non: phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đặt ở vị trí thuận tiện cho công tác quản lý và được bố trí độc lập; phòng bảo vệ có vị trí quan sát thuận lợi; phòng y tế có vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu; phòng dành cho nhân viên có diện tích đảm bảo, khu vệ sinh giành cho cán bộ giáo viên, nhân viên được bố trí thuận tiện, có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ trong nhà trường [3.1-02]; [1.6-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các khối phòng hành chính - quản trị theo quy định: Văn phòng trường; phòng hiệu trưởng; 01 phòng phó hiệu trưởng; phòng hành chính - quản trị; phòng y tế; phòng bảo vệ; phòng dành cho nhân viên; khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên nhân viên; khu để xe cho cán bộ, giáo viên nhân viên và đảm bảo diện tích theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Các phòng có đủ đồ dùng, trang thiết bị tối thiểu và được thiết kế phù hợp, thuận tiện cho các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh và tiếp tục xây dựng kế hoạch và đề ra những giải pháp cụ thể để nâng cấp tu sửa các hạng mục công trình và sử dụng có hiệu quả trang thiết bị của các khối phòng hành chính- quản trị nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 5 bếp ăn (1 bếp ăn tập thể ở khu trung tâm và 4 bếp ăn tại 4 điểm trường). Bếp ăn của nhà trường được xây dựng theo hướng bán kiên cố, đảm bảo theo quy định bếp ăn một chiều đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [3.1-02]; [1.6-02].

Kho chứa thực phẩm được phân chia thành khu vực riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm như cách mặt đất 20cm, cách tường 10cm, có cửa sổ thoáng được sắp xếp gọn gàng ngăn nắp, dễ để lấy [3.1-02].

Có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn, tủ cấp đông để lưu trữ thực phẩm trước và sau khi chế biến thức ăn cho trẻ hàng ngày, thực hiện lưu mẫu đúng quy định được bảo quản sau 24 giờ, tủ lạnh được kiểm tra vệ sinh sạch sẽ thường xuyên [H1-1.10-08].

Mức 2:

Nhà bếp của trường có tổng diện tích 70 m² (trong đó: bếp ăn trung tâm 22m²; bếp ăn điểm trường Pá Chả, Huồi cảnh, Lọng ngựa, C5 đều có diện tích 12m²) đảm bảo 0,35 m²/trẻ theo quy định tại Điều 29 Điều lệ trường mầm non (Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015). Có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn được thiết kế và tổ chức theo quy trình hoạt động bếp một chiều. Có đủ đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú tại trường như: nồi cơm điện, bát, thìa inox, đĩa, chạn đựng đồ dùng, dụng cụ chế biến thực phẩm đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn hàng ngày, có nguồn nước sạch đảm bảo cho sinh hoạt hàng ngày. Nhà bếp có đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy, rác thải được phân loại và xử lý thu gom đến nơi tập trung theo quy định và đảm bảo hợp vệ sinh [H1-1.10-08]; [1.6-02].

Mức 3:

Bếp ăn được xây dựng thông thoáng, đủ ánh sáng, tường, trần nhà, sàn nhà nhẵn, bằng phẳng, có đủ các phương tiện phục vụ cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Dụng cụ chứa thức ăn và sử dụng để ăn uống được làm bằng nhôm, inox dễ làm vệ sinh, không ô nhiễm, yếu tố độc hại, có phương tiện bảo quản thực phẩm, có hệ thống cung cấp nước sạch và chỗ rửa tay với xà phòng; có phương tiện phân loại, thu gom, vận chuyển rác, thực phẩm, thức ăn thừa; thùng đựng rác có nắp đậy đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN3907:2011; Cửa sổ của bếp ăn có lưới để chống chuột, ruồi, nhặng, gián hoặc các côn trùng có hại khác [H3-3.4-01]; [H1-1.6-02].

2. Điểm mạnh

Bếp ăn nhà trường có đủ diện tích theo quy định, thông thoáng, đủ ánh sáng, có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn, đủ dụng cụ, đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường, có đủ đồ dùng để làm vệ sinh và khử trùng. Có đủ nước sạch phục

vụ cho sinh hoạt hằng ngày. Hệ thống xử lý rác thải, nước thải hợp vệ sinh. Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh và có kế hoạch bảo quản, sử dụng các đồ dùng, thiết bị nhà bếp một cách hiệu quả, hàng năm có kế hoạch tu sửa, thay thế và bổ sung thêm đồ dùng dụng cụ nhà bếp, đảm bảo mục đích sử dụng trong công tác cho trẻ ăn bán trú tại trường đạt hiệu quả cao.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với;

c) Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hàng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ, đồ dùng, đồ chơi, các thiết bị đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [1.6-02].

Hàng năm nhà trường chỉ đạo các nhóm lớp tự làm bổ sung đồ dùng, đồ chơi để phục vụ học tập và vui chơi cho trẻ dưới nhiều hình thức: Chấm đồ dùng đồ chơi theo từng chủ đề, tổ chức Hội thi phụ huynh cùng làm đồ dùng đồ chơi. Số đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục quy định bảo đảm tính giáo dục, bền đẹp, an toàn, kích thích phù hợp với trẻ [3.1- 02].

Các thiết bị của nhà trường hàng năm được kiểm kê, định kỳ vào đầu năm và cuối năm học, nhà trường thường xuyên xây dựng kế hoạch kiểm tra các thiết bị đồ dùng để sửa chữa, bổ sung nâng cấp đáp ứng với nhu cầu tổ chức hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ tại các điểm trường, nhóm, lớp [1.6-02].

Mức 2:

100% máy tính trong nhà trường được kết nối Internet, Wifi phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [1.6-02].

Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, tính đến thời điểm đánh giá số bộ thiết bị là 10 bộ/10 nhóm lớp. Trong đó lớp mẫu giáo ghép 4-5 tuổi: 01 bộ; lớp mẫu giáo bé: 01 bộ; nhà trẻ 24-36 tháng: 03 bộ; 6 lớp mẫu giáo ghép: 6 bộ [H3-3.5-01].

Hằng năm nhà trường được phòng giáo dục cấp bổ sung các thiết bị dạy học theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non. Chỉ đạo các nhóm lớp làm đồ dùng đồ chơi phục vụ cho các hoạt động giáo dục, phù hợp và an toàn cho trẻ [1.6-02].

Mức 3:

Đồ dùng đồ chơi tại các điểm trường, các nhóm, lớp được giáo viên sử dụng và bảo quản tốt thiết bị đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục, được khai thác và đưa vào sử dụng thường xuyên có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ [H3-3.5-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho các điểm trường, nhóm, lớp theo quy định. Hằng năm nhà trường tổ chức làm bổ sung đồ dùng, đồ chơi để phục vụ học tập và vui chơi cho trẻ dưới nhiều hình thức: Chấm đồ dùng đồ chơi theo từng chủ đề, tổ chức Hội thi phụ huynh cùng làm đồ dùng đồ chơi. Các đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục quy định bảo đảm tính giáo dục, bền đẹp, an toàn, kích thích phù hợp với trẻ. 100% các máy tính được kết nối Internet, Wifi phục vụ cho hoạt động quản lý và các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh và có kế hoạch bảo quản, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên phụ trách các công việc nhằm đảm bảo chất lượng. Tích cực vận động giáo viên tuyên truyền tới các bậc phụ huynh cùng với giáo viên làm đồ chơi tự tạo, các bộ đồ dùng đồ chơi có màu sắc nổi bật, độ bền cao, an toàn, phù hợp với trẻ. Phân công cho 01 Phó hiệu trưởng phụ trách về cơ sở vật chất phụ trách tham mưu với các cấp bổ sung, sửa chữa thay thế đảm bảo đủ số lượng đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ của 11/11 nhóm, lớp đảm bảo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/NBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 10 phòng vệ sinh của trẻ, 01 khu vệ sinh cho cán bộ giáo viên, nhân viên tại trung tâm và các điểm trường được phân thành khu vệ sinh trẻ trai, trẻ gái riêng biệt, sử dụng thuận tiện, phòng vệ sinh, không ô nhiễm môi trường [3.1-02].

Hệ thống thoát nước được lắp đặt đảm bảo vệ sinh, có nguồn nước sạch, đủ nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh [3.1-02]; [H3-3.6-01].

Nhà trường có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải hàng ngày, không để rác thải, nước thải tồn đọng gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo vệ sinh, có đủ số lượng thùng đựng có nắp đậy để đựng rác và phân loại rác tạm thời, thuận tiện cho công việc làm vệ sinh và khử trùng [3.1-02];[H3-3.6-01].

Mức 2:

Các phòng vệ sinh cho trẻ đảm bảo an toàn, có chỗ đi tiêu và bệ xí cho trẻ trai và trẻ gái, bệ có nắp đậy; có khu rửa tay và 30 ghế ngồi bô cho trẻ nhà trẻ, thuận tiện sử dụng và dễ quan sát; Khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên nhân viên 12m² đủ diện tích, có phòng tắm thiết kế xây dựng phù hợp đảm bảo theo quy định, phù hợp cảnh quan, môi trường không ô nhiễm [3.1-02].

Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch từ hệ thống giếng khoan, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý rác thải đảm bảo theo quy định khoản 3, Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTNT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ y tế như: có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường, lớp. Có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, khu vệ sinh, có thùng đựng và phân loại rác, tự thu gom rác thải vận chuyển đến nơi tập trung, đảm bảo vệ sinh phòng bệnh [3.1-02]; [H3-3.6-01].

2. Điểm mạnh

100% các nhóm, lớp trong nhà trường đều có nhà vệ sinh, đảm bảo đầy đủ thiết bị, thuận tiện cho trẻ sử dụng. Có khu vệ sinh riêng biệt dành CBQL, GV, NV đủ diện tích theo quy định. Có hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục phát huy các điểm mạnh, xây dựng kế hoạch, lộ trình sửa chữa nhà vệ sinh tại các điểm trường. Tham mưu với UBND xã và cha mẹ học sinh để có thêm nguồn kinh phí. Kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên thiết bị nhà vệ sinh, hệ thống cấp nước.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Nhà trường có các công trình được xây dựng theo hướng kiên cố và bán kiên cố, có diện tích khuôn viên và các công trình đảm bảo theo quy định. Diện tích bình quân tối thiểu trên trẻ, diện tích sân vườn, diện tích sân chơi đảm bảo, được quy hoạch, thiết kế phù hợp giúp trẻ khám phá, học tập.

Các nhóm lớp học và các khối phòng hành chính quản trị bảo đảm đủ diện tích, được bố trí sắp xếp phù hợp, có đầy đủ đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho từng khối lớp và thiết bị đồ dùng đồ chơi tự làm đảm bảo bền đẹp.

Bếp ăn được xây dựng theo quy trình một chiều với đầy đủ các đồ dùng nhà bếp, có kho lưu trữ thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hàng ngày và đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.

Khu vệ sinh cho giáo viên, trẻ được xây dựng đảm bảo diện tích, đủ các thiết bị, phương tiện vệ sinh, thuận tiện cho việc sử dụng. Có nguồn nước sạch đảm bảo vệ sinh, có hệ thống thu gom, xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng bệnh. Hằng năm nhà trường có kiểm kê, bảo quản và sử dụng có hiệu quả các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có. Có kế hoạch tu sửa và bổ sung các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi kịp thời đảm bảo hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường.

- Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 3: 6 tiêu chí.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 6.

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Mối quan hệ giữa gia đình - nhà trường và xã hội luôn được nhà trường chú trọng quan tâm bởi đây là lực lượng quan trọng giúp nhà trường hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hằng năm nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh theo đúng cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động tuân thủ theo quy định của Điều lệ. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục. Trong những năm qua, nhà trường cũng đã chủ động phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển, huy động sức mạnh tổng hợp của các lực lượng trong và ngoài xã hội để xây dựng cơ sở vật chất, tạo cảnh quan môi trường sư phạm an toàn thân thiện góp phần nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm nhà trường đều có Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh gồm: 01 Trưởng ban, 01 Phó ban, 08 thành viên viên thường trực[H4-4.1-01].

Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, nhóm, lớp có kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học [H4-4.1-02].

Ban đại diện cha mẹ học sinh triển khai nội dung, tổ chức thực hiện hoạt động đúng tiến độ theo kế hoạch đã xây dựng [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ trẻ em của nhà trường và của các nhóm, lớp phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục như: tham gia cùng cô và trẻ trong các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, hoạt động trải nghiệm, lao động. Phối hợp với nhà trường hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh như: hỗ trợ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù miễn giảm học phí, chính sách trẻ khuyết tật, trẻ hộ nghèo... [3.1-02]; [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ trẻ em phối hợp hiệu quả với nhà trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ em, huy động các nguồn lực như công lao động để tôn tạo cảnh quan môi trường, tu sửa cơ sở vật chất, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, phối kết hợp với nhà huy động và sử dụng nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân để tu sửa cơ sở vật chất, xây dựng cảnh quan môi trường, từ năm 2020 đến nay nhà trường thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, được các nhà hảo tâm tài trợ, giúp đỡ với tổng số tiền qua các năm là 931.748.000 đồng (cụ thể: Ngôi trường cho em 250.000.000 đồng; Đoàn giao thông Bắc Ninh 45.000.000...[H1.1.2.06]; [H4-4.1-05].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của các nhóm, lớp và của trường. Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn quy định. Ban đại diện cha mẹ học sinh có kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học và tổ chức thực hiện theo đúng tiến độ kế hoạch đề ra. Phối kết hợp chặt chẽ, có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ và hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; phối kết hợp với nhà trường tuyên truyền, huy động các tổ chức từ thiện hỗ trợ nhà trường với

tổng số tiền xã hội hóa 931.748.000 đồng (cụ thể: Ngôi trường cho em 250.000.000 đồng; Đoàn giao thông Bắc Ninh 45.000.000...).

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục phối hợp tốt với Ban đại diện cha mẹ học sinh và các cấp ủy đảng chính quyền địa phương hỗ trợ và huy động các nguồn lực về kinh phí hỗ trợ nhà trường tu sửa cơ sở vật chất nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ. Nhà trường tiếp tục duy trì Ban đại diện cha mẹ trẻ em của trường, của mỗi lớp vào mỗi năm học và duy trì tốt hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Vận động đội ngũ giáo viên tích cực tuyên truyền tới cộng đồng về công tác chăm sóc giáo dục trẻ tại trường Mầm non xã Phú Lương tham gia Ban đại diện cha mẹ trẻ em. Điều chỉnh quy chế hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ em hàng năm cho phù hợp.

Nhà trường thông báo kế hoạch và lựa chọn thời gian hợp lý khi tổ chức các buổi họp để cha mẹ học sinh có mặt đầy đủ. Xây dựng kế hoạch để giáo viên chủ nhiệm phối kết hợp với Ban đại diện cha mẹ trẻ nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện cho học sinh và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường;

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã chủ động và làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch giáo dục, giải pháp cụ thể trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học để phát triển nhà trường như việc mở rộng đất

và tu sửa cơ sở vật chất các điểm bản, huy động trẻ trong độ tuổi đến trường, công tác phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi [H1-1.2-06]; [H4-4.2-01].

Hàng năm, nhà trường tích cực tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của phụ huynh về các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành, về các mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường trong năm học dưới nhiều hình thức như: qua các buổi họp phụ huynh, trao đổi với phụ huynh thông qua giờ đón trả trẻ hàng ngày... [3.1-02].

Nhà trường tích cực tham mưu tới với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục; huy động và sử dụng nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân để tu sửa cơ sở vật chất, xây dựng cảnh quan môi trường đúng theo quy định [H1-1.2-06]; [H4.4.1-05].

Mức 2:

Trong các năm qua nhà trường đã tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương luôn quan tâm, tạo mọi điều kiện để nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ cấp trên giao cụ thể như: phối kết hợp cùng nhà trường trong công tác huy động trẻ ra lớp, tu sửa cơ sở vật chất đã xuống cấp, mở rộng đất làm phòng ngủ... [H4-4.2-01];[3.1-02].

Nhà trường phối hợp với Đoàn thanh xã Phú Lương, Đoàn biên phòng cửa khẩu Huổi Puộc, đội sản xuất Đội 9, đội dân quân tự vệ tại các thôn bản tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương một cách hiệu quả như: Tết Khẩu Hó của dân tộc Lào, tết lúa mới của dân tộc K.Mú, tết dân tộc H'Mông... giao lưu văn nghệ như 20/10, 20/11, ngày hội đến trường của bé, các hoạt động lễ hội, phù hợp với truyền thống địa phương [3.1-02].

Mức 3:

Nhà trường xây dựng kế hoạch số: 20/KH-MNPL ngày 06 tháng 9 năm 2023 về việc tham mưu với ủy ban nhân xã Phú Lương hỗ trợ nhà trường trong công tác tu sửa cơ sở vật chất, huy động trẻ ra lớp; tờ trình số: 10/TTr-MNPL ngày 22/08/2023 về việc tham mưu công tác huy động trẻ ra lớp và các văn bản tham mưu khác nhằm huy động các nguồn lực xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn, giáo dục của địa phương [H4-4.2-01]; [H4-4.2-02]; [H4-4.2-03].

2. Điểm mạnh

Xác định công tác giáo dục là của toàn Đảng, toàn dân, mọi tổ chức đoàn thể, vì vậy ngay từ đầu mỗi năm học nhà trường đã tích cực tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển theo năm học, giai đoạn nhằm nâng cao các điều kiện về cơ sở vật chất trường lớp đáp ứng với yêu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ. Làm tốt công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân ở địa phương và các lực lượng xã hội huy động các nguồn lực đóng góp công lao động, vật liệu để xây dựng cảnh quan trường lớp sạch đẹp, an toàn cho trẻ hoạt động. Phối hợp có hiệu quả với các tổ chức cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương. Nhiều năm qua nhà trường đều đạt danh hiệu trường có đời sống văn hóa tốt.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục làm tốt công tác tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo năm học, giai đoạn. Phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức tốt hơn nữa các hoạt động lễ hội, sự kiện, phù hợp với truyền thống của địa phương

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Nhà trường và các nhóm lớp đều có Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Ban đại diện cha mẹ trẻ em thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền xã Phú Lương để quan tâm, chăm lo đến sự nghiệp phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn xã nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Thực hiện có hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục, huy động được các cá nhân, tổ chức, đoàn thể trong và ngoài địa bàn xã tham gia đóng góp các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất, cảnh quan trường lớp xanh, sạch, đẹp, an toàn, lành mạnh. Làm tốt công tác phối kết hợp trong việc tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương một cách hiệu quả.

- Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 4: 2 tiêu chí

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 2 tiêu chí

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu:

Trong những năm qua trường Mầm non xã Phú Lương thực hiện nghiêm túc chương trình GDMN theo quy định, có sự phát triển chương trình phù hợp với khả năng của trẻ, thực tế của trường và địa phương. Nhà trường tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ theo quy định phù hợp với độ tuổi, không ngừng đổi mới phương pháp dạy và học, tổ chức môi trường trải nghiệm, vui chơi tạo điều kiện cho trẻ tham gia, sáng tạo. Nhà trường làm tốt công tác phối hợp với Trạm y tế xã tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ; tổ chức cân, đo trẻ theo quy định nhằm phát hiện những trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi để có kế hoạch phục hồi, phòng, chống kịp thời nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ, cải thiện tình trạng dinh dưỡng của trẻ so với đầu năm học. Chất lượng giáo dục trẻ được nâng cao, đa số trẻ có sự phát triển toàn diện về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - kỹ năng xã hội và thẩm mỹ theo mục tiêu của Chương trình GDMN. Tỷ lệ trẻ chuyên cần duy trì cao, đặc biệt là trẻ mẫu giáo 5 tuổi, hàng năm có 100% số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;

c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời phù hợp.

Mức 2:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của địa phương;

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Căn cứ Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, cán bộ quản lý và giáo viên cốt cán đã xây dựng chương trình giáo dục nhà trường, trên cơ sở đó các giáo viên xây dựng chương trình giáo dục của các nhóm, lớp và tổ chức thực hiện chương trình GDMN theo kế hoạch [H1-1.8-01].

Nhà trường đã phát triển chương trình GDMN do Bộ giáo dục và Đào tạo phù hợp với quy định chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục và phù hợp với điều kiện nhà trường, tình hình địa phương và khả năng nhận thức của trẻ. Nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch năm, hoạch chủ đề, kế hoạch tuần, ngày hiệu quả [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Nhà trường rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN theo định kỳ thông qua hội đồng thẩm định, đánh giá vào các thời điểm đầu năm, giữa năm, cuối năm và qua các hoạt động đánh giá trẻ cuối chủ đề, tròn tháng và đánh giá trẻ cuối độ tuổi; chỉ đạo các nhóm, lớp rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01].

Mức 2:

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình GDMN đảm bảo chất lượng ở các độ tuổi được đánh giá qua mục tiêu các chủ đề, tròn tháng, cuối độ tuổi [H1-1.8-02]; [H5-5.1-01].

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch phát triển chương trình GDMN của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với tình hình địa phương như văn hóa dân tộc H'Mông, Thái, Lào và đáp ứng khả năng nhận thức, nhu cầu của trẻ. Triển khai kế hoạch xuyên suốt từ kế hoạch năm sang kế hoạch chủ đề và kế hoạch tuần, ngày hiệu quả [H1-1.8-01].

Mức 3:

Nhà trường phát triển chương trình GDMN của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đúng quy định, hiệu quả; chương trình phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương. Nhà trường chưa thực hiện được nội dung tham khảo chương trình giáo dục các nước trong khu vực và thế giới [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Hằng năm nhà trường tiến hành thẩm định, sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục nhà trường để từ đó có sự điều chỉnh cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ em [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình GDMN theo kế hoạch, phát triển Chương trình do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp theo quy định về chuyên môn của các cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, phù hợp với thực tế của nhà trường có định kỳ rà soát, đánh giá và điều chỉnh, bổ sung kịp thời phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng nhu cầu và khả năng, hứng thú của trẻ. Nhà trường tổ chức định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN, đánh giá chất lượng chuyên môn của giáo viên, chất lượng trẻ để có kế hoạch điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

3. Điểm yếu: Nhà trường chưa thực hiện được nội dung tham khảo chương trình giáo dục các nước trong khu vực và thế giới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục chỉ đạo, rà soát hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch, phát triển chương trình, lựa chọn các nội dung giáo dục phù hợp với đối tượng trẻ và điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp và có biện pháp điều chỉnh, kịp thời nâng cao chất lượng CSGD trẻ. Đồng thời có kế hoạch thực hiện phát triển chương trình Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục các nước trong khu vực và thế giới để áp dụng phù hợp trong năm học kế tiếp.

Tham khảo và áp dụng chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định vào tổ chức các hoạt động giáo dục có hiệu quả nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "chơi mà học, học bằng chơi".

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã thực hiện linh hoạt các phương pháp tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ theo độ tuổi của các nhóm lớp và điều kiện thực tế của nhà trường nên kết quả CSGD của các nhóm, lớp luôn đạt được mục tiêu đề ra [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H1-1.2-06].

Nhà trường đã xây dựng trường mầm non theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tích cực tôn tạo cảnh quan môi trường tạo sự đa dạng các khu vực cho trẻ tham gia các hoạt động trải nghiệm, vui chơi học tập tạo điều kiện tốt nhất để mọi trẻ đều có cơ hội sáng tạo, khám phá [3.1-02].

Giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của lớp [H1-1.2-06]; [H1-1.8-02].

Mức 2:

Các nhóm lớp trong nhà trường chú trọng tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với độ tuổi, nhu cầu, hứng thú của trẻ cũng như điều kiện thực tế của trường, lớp, địa phương tạo ra những thành quả trên sản phẩm của trẻ [H1-1.8-02]; [3.1-02].

Mức 3:

Nhà trường đã tích cực xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học đảm bảo theo chuyên đề giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo môi trường mở phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "chơi mà học, học bằng chơi" [H1-1.8-02]; [3.1-02].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã thực hiện linh hoạt các phương pháp tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ theo độ tuổi của các nhóm lớp và điều kiện thực tế của địa phương. Nhà trường xây dựng trường mầm non theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm, tích cực tôn tạo cảnh quan môi trường tạo sự đa dạng các khu vực cho trẻ tham gia các hoạt động trải nghiệm, vui chơi học tập. Tạo môi trường mở phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "chơi mà học, học bằng chơi". Thường xuyên tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của lớp.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục tôn tạo cảnh quan môi trường trong và ngoài lớp học, tận dụng không gian hoạt động tạo cơ hội cho trẻ vui chơi, trải nghiệm nhằm khơi gợi sự hứng thú sáng tạo của trẻ.

Năm học 2023 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục duy trì điểm mạnh tham mưu xây dựng triển khai áp dụng có hiệu quả chương trình giáo dục mầm non phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương. Chỉ đạo giáo viên linh hoạt, sáng tạo trong công tác xây dựng, tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học, tạo điều kiện cho học sinh có cơ hội học tập vui chơi và trải nghiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng các biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định.

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3: Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm nhà trường đã phối kết hợp với trạm y tế xã Phú Luông tổ chức các hoạt động khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm học cho trẻ, phối hợp thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe như uống vi ta min A, thuốc tẩy giun, chương trình tiêm chủng theo chương trình quốc gia [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định, có sự giám sát lẫn nhau giữa nhà trường và trạm y tế xã, hàng năm tỷ lệ trẻ có sự phát triển ở kênh bình thường đạt từ 95% trở lên [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

Ngay từ đầu năm học nhà trường căn cứ trên kết quả đánh giá chất lượng cân đo, đã triển khai xây dựng và thực hiện kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho 100% trẻ suy dinh dưỡng, kế hoạch phục hồi suy dinh dưỡng đưa ra những biện pháp phù hợp đảm bảo như: Có kế hoạch phòng chống suy dinh dưỡng, tiến hành cân đo hàng tháng, nâng cao các hoạt động chăm sóc trẻ hằng ngày giúp cho kết quả phục hồi dinh dưỡng hàng năm đánh giá cải thiện so với kết quả đầu năm học, tỷ lệ phục hồi đạt trên 80%, nhà trường không có trẻ béo phì [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

Mức 2:

Nhà trường chú trọng tới công tác tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ về cách chăm sóc trẻ khoa học tại gia đình, các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần thông qua các buổi họp phụ huynh, bảng tuyên truyền của trường và các lớp, các hoạt động của trẻ và trao đổi trực tiếp về tình hình của trẻ hằng ngày [3.1-02].

Nhà trường xây dựng thực đơn phù hợp nhằm thực hiện chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường đảm bảo theo quy định như xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn theo độ tuổi, số bữa ăn theo quy định, nước uống, tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng, chế biến hấp dẫn để trẻ ăn ngon miệng, hết khẩu phần [H1-1.5-02].

Nhà trường và các lớp xây dựng kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho 100% trẻ suy dinh dưỡng, có các biện pháp can thiệp phù hợp, do đó hằng năm tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ được cải thiện cho thấy hiệu quả so với đầu năm học, tỷ lệ phục hồi suy dinh dưỡng đạt trên 80% trẻ [H5-5.3-03].

Mức 3:

Hằng năm nhà trường được đánh giá kết quả chăm sóc kênh bình thường đạt từ 95% trở lên [H1-1.2-06]; [H5-5.3-03].

2. Điểm mạnh:

Hằng năm nhà trường đã phối kết hợp với trạm y tế xã Phú Luông, tổ chức các hoạt động khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm học cho trẻ, phối hợp thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe cho trẻ. Nhà trường chú trọng tới công tác tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ về cách chăm sóc trẻ khoa học tại gia đình, các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần. 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định, hằng năm tỷ lệ trẻ có sự phát triển ở kênh bình thường đạt từ 95% trở lên. Nhà trường căn cứ trên kết quả đánh giá chất lượng cân đo, đã triển khai xây dựng và thực hiện kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho 100% trẻ suy dinh dưỡng, hằng năm đánh giá so với kết quả đầu năm học phục hồi đạt trên 80%, nhà trường không có trẻ béo phì.

3. Điểm yếu:

Suy dinh dưỡng nhẹ cân 10/170 trẻ chiếm 5,9%

Suy dinh dưỡng thể thấp còi 12/170 trẻ chiếm 7,1%.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Hằng năm nhà trường tiếp tục kết hợp với Y tế xã khám sức khỏe định kỳ cho trẻ kết hợp cùng với giáo viên trong việc chăm sóc cho trẻ và tuyên truyền tới cha mẹ trẻ về chế độ ăn và chăm sóc sức khỏe cho trẻ tại gia đình.

Phối kết hợp với phụ huynh thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc duy trì và nâng cao tỉ lệ trẻ phát triển bình thường về cân nặng và chiều cao. Tham khảo tài liệu về nội dung tư vấn cho cha mẹ trẻ, người giám hộ các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ, nâng cao hiệu quả của các buổi tuyên truyền với nội dung đa dạng, phong phú.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80% ;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 80%

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ngay từ đầu năm học nhà trường đã chỉ đạo giáo viên làm tốt công tác tuyên truyền tới các bậc phụ huynh và cộng đồng huy động trẻ ra lớp. Tỷ lệ chuyên cần hằng năm đối với trẻ 5 tuổi đạt 98% trở lên, trẻ dưới 5 tuổi đạt trên 90% [H5-5.4-01].

Hằng năm nhà trường có 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non [H5-5.4-02].

Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

Mức 2:

Giáo viên thực hiện tốt công tác tuyên truyền với phụ huynh đảm bảo trẻ đi học chuyên cần, tỷ lệ chuyên cần hằng năm đối với trẻ 5 tuổi đạt 98% trở lên, trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 90% trở lên [H5-5.4-01].

Qua các năm học sinh 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt 100% [H5-5.4-03].

Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

Mức 3:

Qua các năm học số trẻ hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt 100% [H5-5.4-03].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã chỉ đạo giáo viên làm tốt công tác tuyên truyền tới các bậc phụ huynh và cộng đồng huy động trẻ ra lớp. Tỷ lệ chuyên cần hằng năm đối với trẻ 5 tuổi đạt 98% trở lên, trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 90% trở lên. Hằng năm nhà trường có 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN, nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục nâng cao công tác tuyên truyền huy động trẻ ra lớp đảm bảo chỉ tiêu ủy ban nhân dân huyện giao. Giảng dạy có chất lượng, tổ chức tốt các hoạt động CSGD trẻ nhằm thu hút trẻ ra lớp nâng tỷ lệ chuyên cần năm tới trẻ 5 tuổi đạt 99% trở lên, trẻ dưới 5 tuổi đạt trên 95%.

Làm tốt công tác tuyên truyền, duy trì tỷ lệ chuyên cần của trẻ ở các thời điểm trước và sau tết nguyên đán, khi nhiệt độ xuống thấp tuyên truyền và phối hợp với phụ huynh luôn quan tâm đến trẻ, mặc áo ấm, đi giày dép, vệ sinh cá nhân cho trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Nhà trường đã có nhiều biện pháp để nâng cao chất lượng CSGD trẻ, do đó kết quả luôn đạt ở mức tốt. Tỷ lệ trẻ phát triển ở kênh bình thường về cân nặng, chiều cao hàng năm trên 95%, không có trẻ béo phì. Đa số trẻ đi học chuyên cần, tỷ lệ trẻ 5 tuổi đi học chuyên cần 98%, hàng năm có 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN.

Đa số trẻ có nề nếp, thói quen, kỹ năng tốt trong các hoạt động học tập, vui chơi, lao động, vệ sinh. Trẻ mạnh dạn, tự tin, tích cực tham gia vào các hoạt động. Nhà trường đã làm tốt công tác phục hồi dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng. Hàng năm số trẻ suy dinh dưỡng đều giảm so với năm trước. Không có trẻ béo phì.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 4

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Trên đây là toàn bộ quá trình tự đánh giá của nhà trường đã diễn ra liên tục, bền bỉ, với sự đầu tư công sức, trí tuệ của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong toàn trường mà tiêu biểu là các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá.

Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình: Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Tiêu chuẩn đánh giá trường mầm non với 5 tiêu chuẩn, 25 tiêu chí; Các tiêu chuẩn được đánh giá chính xác, khách quan, phản ánh đúng chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường. Qua quá trình tự đánh giá nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

Mức 1:

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 25.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0.

Mức 2:

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 25.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0.

Mức 3:

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 9.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 16.

*** Trường mầm non tự đánh giá**

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT Ban hành quy định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, Căn cứ kết quả tự đánh giá của nhà trường, trường mầm non xã Phú Lương - Huyện Điện Biên tỉnh Điện Biên đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục mức 2. Đề nghị công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

Trên đây là báo cáo công tác tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục của trường mầm non xã Phú Lương - Huyện Điện Biên - tỉnh Điện Biên./.

Phú Lương, ngày 01 tháng 11 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Lò Thị Nút



100 100 100